

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.
2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 7, khu phố PA, thị trấn PB, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Nguyễn Tấn D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 7, khu phố PA, thị trấn PB, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Tấn D vào ngày 20/08/2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PB, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng chị chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và chung sống không hòa hợp, anh D ham chơi (chơi game,

bida) không lo cho gia đình. Vợ chồng chị đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại chị và anh D sống ly thân từ tháng 06/2022 đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về nuôi con chung: Chị và anh D có hai con chung là Nguyễn Song Như N, sinh ngày 31/5/2015 và Nguyễn Song Bảo C, sinh ngày 05/2/2019. Hiện nay hai chung đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm nghề tự do, buôn bán rau và bán hàng trên mạng, thu nhập mỗi ngày khoảng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Chị không có tài liệu chứng cứ để chứng minh thu nhập.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2022, bản khai ngày 19/7/2022 và trong quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Tấn D trình bày:

Anh và chị T kết hôn từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PB, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2014, quyền số 02/2013. Sau khi kết hôn chị T và anh D sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, chị T thiếu nợ ở ngoài nên mang theo hai con bỏ nhà đi từ tháng 6/2022, đi đâu làm gì anh không biết. Hiện nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay với chị T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có hai con chung là Nguyễn Song Như N, sinh ngày 30/5/2015 và Nguyễn Song Bảo C, sinh ngày 05/02/2019. Khi ly hôn anh giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu C vì anh có chỗ ở công việc ổn định, hàng tháng anh đều có thu nhập từ việc làm thợ mộc tại xưởng mộc gần nhà, anh có đầy đủ điều kiện vật chất và tinh thần để lo cho các con.

Hiện nay anh đang làm nghề tự do (cưa cây), thu nhập trung bình mỗi năm được 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) đến 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng). Anh không có tài liệu chứng cứ để chứng minh thu nhập.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn cư trú tại huyện X, nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PB, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 119/2014 quyền số 02/2013 ngày 20/08/2014, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống chị T và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và chung sống không hòa hợp, anh D ham chơi không lo lắng cho gia đình. Nay chị T và anh D đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Chị T yêu cầu ly hôn và anh D đồng ý.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D thể hiện: Trong thời gian chung sống chị T và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị T và anh D bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh D ham chơi, không lo làm ăn. Vợ chồng đã hàn gắn mâu thuẫn nhiều lần không thành.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần áp dụng các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị T và anh D.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh D có hai con chung là Nguyễn Song Như N, sinh ngày 31/5/2015 và Nguyễn Song Bảo C, sinh ngày 05/2/2019. Hiện nay hai chung đang sống với chị T, chị yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D đồng ý giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh D tranh chấp quyền nuôi dưỡng cháu C.

Xét thấy chị T có công việc và thu nhập từ việc bán hàng, từ khi chị T và anh D ly thân, hai con chung sống với chị T, nguyện vọng của cháu N muốn sống với chị T và anh D cũng đồng ý giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng. Riêng cháu C hiện nay còn nhỏ là cháu gái, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để cháu phát triển toàn diện về tâm sinh lý. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi

mặt của con, cần giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Tấn D thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Nguyễn Song Như N, sinh ngày 31/5/2015, Nguyễn Song Bảo C, sinh ngày 05/2/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0011110, ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- CCTHADS huyện X;
- UBND thị trấn PB,
huyện X.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****(Đã ký)****Nguyễn Thị Thảo Sương**